

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH LUẬT QUỐC TẾ

CHỦ BIÊN: TS. NGUYỄN THỊ THUẬN



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

GIÁO TRÌNH LUẬT QUỐC TẾ

CÁC TÁC GIẢ

TS. NGUYỄN THỊ THUẬN	<i>Chương II, IV, VII, VIII, XIII</i>
GV. ĐỖ MẠNH HỒNG	<i>Chương III, V, X, XII, XIV</i>
TS. NGUYỄN THỊ THUẬN và GV. ĐỖ MẠNH HỒNG	<i>Chương I, VI, IX, XI</i>

48-2011/CXB/193-10/CAND

VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
TS. NGUYỄN THỊ THUẬN (Chủ biên) - GV. ĐỖ MẠNH HỒNG

GIÁO TRÌNH
LUẬT QUỐC TẾ

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

LỜI NÓI ĐẦU

Viện Đại học Mở Hà Nội tổ chức biên soạn Giáo trình Luật quốc tế, do Tiến sĩ Nguyễn Thị Thuận chủ biên.

Môn học Luật quốc tế thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, vì vậy Giáo trình được thiết kế cho 6 đơn vị học trình (4 tín chỉ).

Giáo trình cung cấp những kiến thức cơ bản về:

- Lý luận pháp luật quốc tế hiện đại.*
- Các vấn đề pháp luật cụ thể về điều ước quốc tế, các tổ chức quốc tế, lãnh thổ quốc gia và biên giới quốc gia, ngoại giao và lãnh sự, các vùng biển...*
- Thực tiễn áp dụng và thi hành pháp luật quốc tế.*

Nội dung Giáo trình có phạm vi rộng, nhưng được lựa chọn, vừa tập trung vào những chuyên đề phổ biến nhất trong quan hệ quốc tế, vừa bảo đảm tính truyền thống Giáo trình môn học Luật quốc tế của các cơ sở đào tạo ở nước ta từ trước đến nay.

Giáo trình được phát hành cùng với đĩa CD để người học tiện theo dõi trong quá trình học tập, rất bổ ích đối với học viên hệ từ xa, với sinh viên hệ chính quy và các hệ đào tạo tập trung khác.

Mặc dù đã rất cố gắng và cẩn trọng trong quá trình biên soạn, nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp, độc giả để chỉnh sửa cho lần tái bản được hoàn thiện hơn.

VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA LUẬT QUỐC TẾ

I. KHÁI NIỆM LUẬT QUỐC TẾ

1. Định nghĩa Luật quốc tế

Sự tồn tại của khoảng 200 quốc gia độc lập có chủ quyền là một thực tế xã hội - chính trị cơ bản của thế giới hiện đại. Mỗi quốc gia trong số này đều thực thi chủ quyền của mình trong phạm vi lãnh thổ quốc gia và cộng đồng dân cư đang hiện diện trên lãnh thổ đó. Tại mỗi quốc gia đều tồn tại một hệ thống pháp luật riêng biệt điều chỉnh toàn bộ các quan hệ xã hội phát sinh trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, không phải tất cả các quan hệ xã hội chỉ đóng khung trong phạm vi biên giới quốc gia. Ngoài chức năng đối nội, mỗi quốc gia còn phải thực thi chức năng đối ngoại của mình.

Chính vì vậy, các quốc gia phải duy trì các mối quan hệ qua lại với nhau, đây là loại hình quan hệ quốc tế rất đa dạng cả về hình thức lẫn nội dung. Các quyền và lợi ích chung là cơ sở của sự hợp tác quốc tế giữa các quốc gia, còn những mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, lợi ích trong quan hệ quốc tế luôn là tiền đề làm phát sinh các tranh chấp và có thể dẫn đến xung đột vũ trang. Mặt khác, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của toàn cầu hóa kinh tế quốc tế, sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong việc duy trì và phát triển hòa bình - an ninh quốc tế đã làm cho các quan hệ quốc tế liên quốc gia ngày càng trở nên đa dạng và cụ thể hơn. Quá trình phát triển và nâng cao các loại hình quan hệ này là kết quả tất yếu khách quan của các quy luật phát triển xã hội.

Dựa trên cơ sở hình thành, duy trì và phát triển quan hệ giữa các quốc gia, đã từ lâu nhu cầu xây dựng và thông qua các quy phạm pháp luật quốc tế cụ thể điều chỉnh các cách thức xử sự của các quốc gia trong quan hệ quốc tế đã trở thành vô cùng cấp thiết. Các quy phạm pháp luật quốc tế được hình thành trên cơ sở nền tảng các quan hệ liên quốc gia, đồng thời phản ánh lại

các quan hệ này. Tuy nhiên, trong quan hệ quốc tế hiện đại, mặc dù không thể phủ nhận vai trò quan trọng và có tính quyết định của các quốc gia, nhưng các chủ thể khác như các tổ chức quốc tế liên chính phủ hay các dân tộc đấu tranh giành độc lập cũng ngày càng thể hiện vai trò, vị thế quan trọng trong đời sống quốc tế. Mỗi quan hệ giữa các quốc gia và các chủ thể này cũng được điều chỉnh bằng các quy phạm pháp lý và các quy phạm này không thể chỉ thuộc về hệ thống pháp luật quốc gia.

Dựa trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, có thể định nghĩa về Luật quốc tế như sau: *Luật quốc tế hiện đại là hệ thống pháp luật độc lập bao gồm tổng thể các nguyên tắc, quy phạm điều chỉnh các quan hệ quốc tế phát sinh giữa các quốc gia, các chủ thể khác của Luật quốc tế trong các lĩnh vực của đời sống quốc tế.*

2. Chức năng của Luật quốc tế

Các chức năng của Luật quốc tế có thể thay đổi theo thời gian và do sự tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội... Lịch sử hình thành và phát triển Luật quốc tế đã khẳng định thực tế hiển nhiên này.

Xuất phát từ thực tiễn quan hệ quốc tế hiện nay, Luật quốc tế có những nhiệm vụ cơ bản như: duy trì hòa bình và an ninh quốc tế; đảm bảo sự chung sống hòa bình giữa các quốc gia và các dân tộc; đảm bảo sự phát triển tiến bộ của các quan hệ xã hội trên phạm vi toàn cầu; thúc đẩy sự phát triển kinh tế quốc tế qua đó góp phần nâng cao mức sống và xoá bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển. Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quan trọng có tầm chiến lược này, Luật quốc tế phải thực hiện hai chức năng cơ bản sau đây:

- Điều chỉnh các quan hệ đối ngoại của các chủ thể Luật quốc tế;
- Tác động tích cực lên các quan hệ đối nội của các chủ thể nêu trên.

a. Chức năng điều chỉnh quan hệ đối ngoại của các chủ thể

Đây là chức năng quan trọng và có tính truyền thống của Luật quốc tế. Chức năng điều chỉnh quan hệ đối ngoại gồm các nội dung:

- Xác định địa vị pháp lý của các chủ thể Luật quốc tế, trước tiên và chủ yếu là các quốc gia trong mối quan hệ với các quốc gia khác. Cụ thể là, quy định các quyền cơ bản dành cho quốc gia kể từ thời điểm quốc gia được thành lập (các quyền cơ bản này có mối quan hệ với bản chất của quốc gia - chủ thể có chủ quyền của Luật quốc tế); quy định các nguyên tắc xử sự chung cho các quốc gia trong quan hệ quốc tế (nguyên tắc không xâm lược, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, nguyên tắc giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế...);

- Điều chỉnh các mối quan hệ cụ thể giữa các chủ thể của Luật quốc tế, ví dụ như: quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về mặt kinh tế, tài chính, quân sự...;

- Ấn định các hình thức quan hệ quốc tế giữa các chủ thể với nhau như quan hệ ngoại giao, lãnh sự...;

- Điều chỉnh các vấn đề về lãnh thổ và biên giới quốc gia của các nước như: vấn đề hoạch định và cắm cột mốc quốc giới, giải quyết tranh chấp liên quan tới đường biên giới quốc gia;

- Xác lập các quy tắc ứng xử thích hợp cho các chủ thể Luật quốc tế trên các vùng lãnh thổ không thuộc chủ quyền của bất kỳ thực thể pháp lý nào như biển cả và khoảng không vũ trụ... (lãnh thổ quốc tế).

b. Chức năng tác động lên quan hệ đối nội của chủ thể Luật quốc tế

Luật quốc tế tác động và có ảnh hưởng lớn đến các quan hệ đối nội của các chủ thể Luật quốc tế, trước tiên và chủ yếu là các quan hệ đối nội của quốc gia. Sự tác động này thể hiện ở nhiều lĩnh vực như lĩnh vực dân cư, thương mại... Thông qua tác động này, pháp luật quốc gia trong những lĩnh vực tương ứng được hoàn thiện hơn, các quy phạm Luật quốc tế cũng được thực thi một cách hiệu quả.

Tuy nhiên, trong các thập niên gần đây cùng với sự gia tăng các quan hệ kinh tế quốc tế cũng như quá trình hội nhập quốc tế được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đã làm cho nhiều quan hệ vốn thuần túy thuộc lĩnh vực đối nội của quốc gia trở thành đối tượng điều chỉnh của các quy phạm Luật quốc tế. Các quy phạm Luật quốc tế ngày càng mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình đối với các lĩnh vực khác nhau của đời sống quốc gia, dẫn đến sự hài hòa giữa hai hệ thống pháp luật. Các điều ước quốc tế đã quy định nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải đảm bảo tôn trọng các chuẩn mực và phương thức ứng xử nhất định không chỉ trong lĩnh vực đối ngoại mà ngay cả trong phạm vi lãnh thổ của mình, ví dụ: trong lĩnh vực nhân quyền, trong giao thông vận tải biển và hàng không, trong lĩnh vực bảo vệ môi trường...

Có thể khẳng định rằng, chức năng của Luật quốc tế không chỉ đơn thuần điều chỉnh các quan hệ liên quốc gia, mà còn tác động tới các quan hệ đối nội của quốc gia, đảm bảo các quan hệ này có nội dung phù hợp với các chuẩn mực quốc tế mà quốc gia có liên quan đã cam kết thực hiện. Tác động này có thể thông qua việc quốc gia áp dụng trực tiếp hoặc nội luật hóa các quy phạm pháp luật quốc tế (điều ước quốc tế, tập quán quốc tế) để điều chỉnh những quan hệ xã hội nhất định.

3. Quy phạm Luật quốc tế

a. Khái niệm

Quy phạm Luật quốc tế là các quy tắc xử sự được xây dựng hoặc thừa nhận có hiệu lực pháp luật đối với các chủ thể Luật quốc tế trong quá trình tham gia vào sinh hoạt quốc tế. Về nguyên tắc, quy phạm Luật quốc tế được các chủ thể Luật quốc tế thỏa thuận xây dựng nên, vì vậy chúng chỉ có hiệu lực đối với các bên hữu quan. Bên cạnh các quy phạm có tính phổ cập dành cho tất cả các chủ thể (thường là các quy phạm quốc tế đa phương toàn cầu), còn có các quy phạm có tính chất khu vực, chỉ có hiệu lực đối với một nhóm quốc gia, như quy định về thương mại quốc tế của Liên minh châu Âu chỉ có hiệu lực đối với 27 quốc gia thành viên tổ chức quốc tế này. Tính chất khu vực của quy phạm Luật quốc tế được thể hiện rất rõ trong các điều ước quốc tế, bởi vì điều ước quốc tế chỉ có hiệu lực đối với các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế.

Quy phạm Luật quốc tế có hiệu lực ràng buộc các chủ thể hữu quan. Đây là đặc điểm quan trọng để phân biệt quy phạm Luật quốc tế với các quy phạm xã hội khác cùng tồn tại trong đời sống của cộng đồng quốc tế như quy phạm chính trị hay quy phạm đạo đức quốc tế. Tính chất quan trọng này của quy phạm Luật quốc tế còn được khẳng định thông qua các biện pháp chế tài được quy định trong Luật quốc tế. Các biện pháp chế tài sẽ được áp dụng đối với các chủ thể Luật quốc tế có hành vi xâm hại tới các nguyên tắc và quy định của Luật quốc tế. Ví dụ, Iran đã bị áp dụng biện pháp chế tài trong thời kỳ cuối thế kỷ XX, do các hành vi xâm phạm Luật quốc tế của mình. Các biện pháp chế tài được thực hiện rất khác nhau phụ thuộc vào hoàn cảnh thực tế, các quốc gia có thể tự mình áp dụng biện pháp trừng phạt quốc gia có hành vi vi phạm Luật quốc tế, gây ra thiệt hại vật chất hoặc tinh thần cho mình. Ngoài ra, việc sử dụng các biện pháp chế tài cũng có thể được thực hiện thông qua tổ chức quốc tế có thẩm quyền, như Liên hợp quốc trong việc áp dụng các biện pháp trừng phạt Iran trong thập niên đầu của thế kỷ XXI. Hiện nay, thực tiễn quan hệ quốc tế đã cho thấy, cộng đồng quốc tế có khuynh hướng mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp cưỡng chế thông qua các tổ chức quốc tế, đồng thời hạn chế việc trừng phạt do các quốc gia riêng lẻ thực hiện. Khuynh hướng này nhằm đảm bảo tính hiệu lực của quy phạm Luật quốc tế được tập trung hơn và đồng thời nâng cao giá trị pháp lý của quy phạm Luật quốc tế.

b. Phân loại quy phạm Luật quốc tế

Việc phân loại quy phạm Luật quốc tế dựa trên cơ sở các tiêu chí khác nhau. Căn cứ vào phạm vi hiệu lực pháp luật, quy phạm Luật quốc tế

được chia làm: Quy phạm phổ cập, quy phạm có tính chất khu vực và quy phạm song phương. *Quy phạm phổ cập* là loại quy phạm có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các quốc gia. Loại quy phạm này thường là quy phạm tập quán quốc tế. Nhóm quy phạm thứ hai là loại *quy phạm có tính khu vực*, có hiệu lực chỉ đối với một số quốc gia có mối quan hệ gắn gũi về địa lý, về ý thức hệ và chế độ xã hội, hay cùng chung quyền lợi và lợi ích. Thuật ngữ “khu vực” chỉ được sử dụng với tính chất quy ước, ví dụ như ASEAN là tổ chức quốc tế khu vực, các quy phạm Luật quốc tế do các nước ASEAN thỏa thuận xây dựng chỉ có hiệu lực đối với 10 quốc gia thành viên của ASEAN. Bên cạnh đó, các quốc gia cũng có thể thỏa thuận xây dựng các quy phạm Luật quốc tế về việc đánh bắt hải sản ở một khu vực biển nào đó, hoặc bảo vệ môi trường ở sông quốc tế như Đanuyp, sông Ranh. Các quy phạm này có tính khu vực, vì chỉ có hiệu lực đối với các quốc gia cam kết vì quyền lợi và lợi ích chung giữa các quốc gia này. Nhóm quy phạm thứ 3 là các *quy phạm song phương* chỉ có hiệu lực đối với hai chủ thể Luật quốc tế đã ký kết các điều ước quốc tế song phương, loại quy phạm này thường tồn tại trong các điều ước quốc tế song phương về thương mại, văn hóa, lãnh sự, tương trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm...

Một chủ thể Luật quốc tế có thể bị ràng buộc bởi quy phạm Luật quốc tế đa phương toàn cầu, đa phương khu vực hoặc song phương về cùng một lĩnh vực của quan hệ quốc tế, Trong trường hợp như vậy, nguyên tắc *lex specialis derogat lex generalis* (luật riêng thay thế luật chung) sẽ được áp dụng để giải quyết trường hợp cụ thể nêu trên.

Căn cứ vào mức độ hiệu lực, quy phạm Luật quốc tế được chia làm quy phạm mệnh lệnh có hiệu lực chung (quy phạm *jus cogen*) và quy phạm tùy nghi. Quy phạm *Jus cogens* là quy phạm đặc biệt của Luật quốc tế, có hiệu lực cao hơn quy phạm tùy nghi, loại hình quy phạm này có hiệu lực tuyệt đối, các quốc gia không có quyền hủy bỏ quy phạm này trong mối quan hệ giữa chúng. Quy phạm *Jus cogens* chỉ có thể bị thay đổi bởi một quy phạm *Jus cogens* hoặc bị loại bỏ trên cơ sở thỏa thuận của các chủ thể Luật quốc tế, bởi vì chúng thể hiện quyền lợi của toàn thể cộng đồng quốc tế. Quan điểm này đã được thể hiện trong điều 53 của Công ước Viên 1969 về Luật điều ước quốc tế giữa các quốc gia. Việc xác định có bao nhiêu quy phạm *Jus cogens* trong Luật quốc tế là vấn đề còn chưa được giải quyết, kể cả trong khuôn khổ ủy ban Luật quốc tế của Liên hợp quốc. Tuy nhiên, cộng đồng quốc tế thừa nhận là quy phạm *jus cogens* gồm: cấm chiến tranh xâm lược, không can thiệp vào công việc nội bộ, quyền dân tộc tự quyết, nghiêm cấm